

Mã số mẫu/ Sample code BN32411.06155653 MM32411.061556531	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày / Date: 16/11/2024
---	--	---

Tên khách hàng/ Customer

Địa chỉ/ Address

Tên mẫu/ Name of sample

Số lượng/ Quantity

Mô tả mẫu/ Sample description

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU

: KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU, XÃ SUỐI TÂN, HUYỆN CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

: NƯỚC SẠCH THƯƠNG PHẨM TẠI TRUNG TÂM SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH KCN SUỐI DẦU

: 1

: Mẫu đựng trong can nhựa. Tham khảo theo QCVN 01-1:2018/BYT.

: 06/11/2024

: 18/11/2024

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ⁽⁴⁾	Phương pháp/ Test method
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/100mL	0	<1	SMEWW 9213B:2023
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/100mL	0	<1	ISO 16266:2006 (*)
3	Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,03	0,3	TCVN 6179-1:1996
4	Sb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002	0,02	EPA Method 200.8 (*)
5	Ba	mg/L	0,005	0,7	EPA Method 200.8 (*)
6	B	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,03	0,3	EPA Method 200.7 (*)
7	Cd	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002	0,003	EPA Method 200.8 (*)
8	Pb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002	0,01	EPA Method 200.8 (*)
9	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,5	2	TCVN 6186:1996 (*)
10	Chloride (Cl ⁻)	mg/L	6,57	250 (hoặc 300) (***)	EPA method 300.1 (*)
11	Cr	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002	0,05	EPA Method 200.8 (*)
12	Cu	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002	1	EPA Method 200.8 (*)
13	Độ cứng	mgCaCO ₃ /L	< MQL = 5,0	300	SMEWW 2340 C:2017 (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

[T] 18001105

[9] (84.28) 3911 7216

[E] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[9] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

[T] (84.292) 3918217 - 3918 218

[9] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;

ketoancantho@case.vn

[E] _case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

[T] (84.258) 246 5255

[9] (84.258) 246 5355

[E] vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ^(Δ)	Phương pháp/ Test method
14	Fluoride (F ⁻)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05	1,5	TCVN 6195:1996 (ISO 10359-1:1992(E)) (*)
15	Zn	mg/L	< MQL = 0,006	2	EPA Method 200.8 (*)
16	Mn	mg/L	0,014	0,1	EPA Method 200.8 (*)
17	Na	mg/L	9,27	200	EPA Method 200.7 (*)
18	Al	mg/L	0,078	0,2	EPA Method 200.8 (*)
19	Ni	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002	0,07	EPA Method 200.8 (*)
20	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	0,23	2	EPA method 300.1 (*)
21	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,015	0,05	EPA method 300.1 (*)
22	Fe	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,03	0,3	EPA Method 200.7 (*)
23	Se	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0002	0,01	EPA Method 200.8 (*)
24	SO ₄ ²⁻	mg/L	0,52	250	EPA method 300.1 (*)
25	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02	0,05	SMEWW 4500-S ₂ -.D (*)
26	Hg	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0001	0,001	EPA Method 200.8 (*)
27	Tổng rắn hòa tan (TDS)	mg/L	67,5	1000	SMEWW 2540C:2017 (*)
28	CN ⁻	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,002	0,05	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984(E)) (*)
29	1,1,1-Trichloroethane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6	2000	CASE.MT.0034 (2015) (*)
30	1,2-Dichloroethane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4	30	CASE.MT.0034 (2015) (*)
31	1,2-Dichloroethene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4	50	CASE.MT.0034 (2015) (*)
32	Carbontetrachloride	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4	2	CASE.MT.0034 (2015) (*)
33	Methylene Chloride (Dichloromethane)	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4	20	CASE.MT.0034 (2015) (*)
34	Tetrachloroethene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3	40	CASE.MT.0034 (2015) (*)
35	Trichloroethene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3	20	CASE.MT.0034 (2015) (*)
36	Vinylchloride	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,06	0,3	CASE.MT.0034 (2015) (*)
37	Benzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,5	10	CASE.MT.0034 (2015) (*)
38	Ethylbenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6	300	CASE.MT.0034 (2015) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[9] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
☎ (84.292) 3918217 - 3918 218
✉ kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;
ketoancantho@case.vn
☎ case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P.Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ⁽⁴⁾	Phương pháp/ Test method
39	Phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,2	1	EPA Method 3510C & EPA Method 3620C & EPA Method 8270D (*)
40	Styrene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6	20	CASE.MT.0034 (2015) (*)
41	Toluene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6	700	CASE.MT.0034 (2015) (*)
42	Xylene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 2,0	500	CASE.MT.0034 (2015) (*)
43	1,2-Dichlorobenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 1,0	1000	CASE.MT.0034 (2015) (*)
44	Monochlorobenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 2,0	300	CASE.MT.0034 (2015) (*)
45	Trichlorobenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4	20	CASE.MT.0034 (2015) (*)
46	Acrylamide	µg/L	Không phát hiện MDL = 0,1	0,5	CASE.SK.0131 (2018) (*)
47	Epichlorhydrin	µg/L	Không phát hiện MDL = 0,1	0,4	EPA 8260A (*)
48	Hexachlorobutadiene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3	0,6	CASE.SK.0096 (2019) (*)
49	1,2-Dibromo-3-chloropropan	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,06	1	CASE.MT.0034 (2015) (*)
50	1,2-Dichloropropane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3	40	CASE.MT.0034 (2015) (*)
51	1,3-Dichloropropen	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,7	20	CASE.MT.0034 (2015) (*)
52	2,4-D	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05	30	CASE.SK.0099 (2018) (*)
53	2,4-DB	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05	90	CASE.SK.0099 (2018) (*)
54	Alachlor	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3	20	CASE.SK.0096 (2019) (*)
55	Aldicarb	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05	10	CASE.SK.0067 (2018) (*)
56	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	-Không phát hiện, Atrazine: MDL = 0,05; Atrazine-desethyl: MDL = 0,05; Atrazine- desisopropyl: MDL = 0,05; Atrazine-desethyl- desisopropyl:	100	CASE.SK.0067 (2018) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

[☎] 18001105

[📞] (84.28) 3911 7216

[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[📍] F2 - 67, F2 - 68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218

[📞] kinhdoanhcantho@case.vn; nhanmaucantho@case.vn;

ketoancantho@case.vn

[🌐] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[📍] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

[☎] (84.258) 246 5255

[📞] (84.258) 246 5355

[✉] vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Ngưỡng giới hạn cho phép/ <i>Maximum level⁽⁴⁾</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
57	Carbofuran	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	5	CASE.SK.0067 (2018) (*)
58	Chlorpyrifos	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	30	CASE.SK.0096 (2019) (*)
59	Chlordane	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	0,2	CASE.SK.0096 (2019) (*)
60	Chlorotoluron	µg/L	MDL = 0,02 Không phát hiện,	30	CASE.SK.0067 (2018) (*)
61	Cyanazine	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	0,6	CASE.SK.0067 (2018) (*)
62	DDT và các dẫn xuất	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	1	CASE.SK.0096 (2019) (*)
63	Dichloroprop	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	100	CASE.SK.0099 (2018) (*)
64	Fenoprop	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	9	CASE.SK.0099 (2018) (*)
65	Hydroxyatrazine	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	200	CASE.SK.0067 (2018) (*)
66	Isoproturon	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	9	CASE.SK.0067 (2018) (*)
67	MCPA (2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	2	CASE.SK.0099 (2018) (*)
68	Mecoprop	µg/L	MDL = 0,05 Không phát hiện,	10	CASE.SK.0099 (2018) (*)
69	Methoxychlor	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	20	CASE.SK.0096 (2019) (*)
70	Molinate	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	6	CASE.SK.0096 (2019) (*)
71	Pendimethalin	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	20	CASE.SK.0096 (2019) (*)
72	Permethrin	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	20	CASE.SK.0096 (2019) (*)
73	Propanil	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	20	CASE.SK.0096 (2019) (*)
74	Simazine	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	2	CASE.SK.0096 (2019) (*)
75	Trifluralin	µg/L	MDL = 0,3 Không phát hiện,	20	CASE.SK.0096 (2019) (*)
76	2,4,6-Trichlorophenol	µg/L	MDL = 0,01 Không phát hiện,	200	EPA Method 3510C & EPA Method 3620C & EPA Method 8270D (*)
77	Bromate (BrO ₃ ⁻)	µg/L	MDL = 4 Không phát hiện,	10	EPA method 300.1 (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ / THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(☎) 18001105

(☎) (84.28) 3911 7216

(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(9) F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

(☎) (84.292) 3918217 - 3918 218

(✉) kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;

ketoancantho@case.vn

(🌐) case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.258) 246 5255

(☎) (84.258) 246 5355

(✉) vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu thử nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Ngưỡng giới hạn cho phép/ Maximum level ^(Δ)	Phương pháp/ Test method
78	Bromodichloromethane	µg/L	4,83	60	CASE.MT.0034 (2015) (*)
79	Bromoform	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6	100	CASE.MT.0034 (2015) (*)
80	Chloroform	µg/L	26,0	300	CASE.MT.0034 (2015) (*)
81	Dibromoacetonitrile	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,25	70	CASE.SK.0098 (2015) (*)
82	Dibromochloromethane	µg/L	< MQL=1,2	100	CASE.MT.0034 (2015) (*)
83	Dichloroacetonitrile	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,25	20	CASE.SK.0098 (2015) (*)
84	Dichloroacetic acid	µg/L	Không phát hiện, MDL = 10	50	EPA 552.2 (*)
85	Formaldehyde	µg/L	Không phát hiện, MDL = 25	900	EPA 556 (*)
86	Monochloramine	mg/L	< MQL = 0,036	3	TCVN 6225-2:2021 (*)
87	Monochloroacetic acid	µg/L	Không phát hiện, MDL = 10	20	EPA 552.2 (*)
88	Trichloroacetic acid	µg/L	Không phát hiện, MDL = 10	200	EPA 552.2 (*)
89	Trichloroacetonitrile	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,25	1	CASE.SK.0098 (2015) (*)
90	Tổng hoạt độ phóng xạ Alpha	Bq/L	0,05 ± 0,02	0,1	TCCS -NN-11:2017;TCCS -NN-12:2014 (**)
91	Tổng hoạt độ phóng xạ Beta	Bq/L	0,25 ± 0,03	1	TCCS -NN-11:2017;TCCS -NN-12:2014 (**)

(Δ) Theo QCVN 01-1:2018/BYT/ According to QCVN 01-1:2018/BYT.

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Subcontracted test.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

MQL Ngưỡng định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.

(***) Chỉ áp dụng cho vùng ven biển, hải đảo/ Only applicable to coastal and island areas.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory


Trần Thị Hiền

TU. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

[☎] 18001105

[📞] (84.28) 3911 7216

[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[📍] F2 - 67, F2 - 68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218

[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;

ketoancantho@case.vn

[🌐] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[📍] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

[☎] (84.258) 246 5255

[📞] (84.258) 246 5355

[✉] vanphongmien trung@case.vn